

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9 – 2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2. Bà Cao Thị Lệ Pha

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc K xây dựng hôn nhân năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị L1, sinh ngày 02/10/2010 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/4/2013. Hiện cháu L1, cháu N đang sống cùng với chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì giữa chị và anh K không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Chị không còn tình cảm gì với anh K nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc K. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Hồng N. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Quốc K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Em Nguyễn Thị L1, Nguyễn Hồng N trình bày ý kiến: Em có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là Trịnh Thị L.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị L đối với anh Nguyễn Quốc K; Con chung: Giao cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày 02/10/2010 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/4/2013 cho chị Trịnh Thị L nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc K có địa chỉ thường trú tại ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải. Nguyên đơn chị Trịnh Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Quốc K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Quốc K có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị L và anh K là tự nguyện và hợp pháp. Chị L xác định hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau và đã không còn yêu thương nhau. Thực tế chị L và anh K đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân giữa chị L và anh K không có biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Quốc K để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Quốc K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị L đối với anh Nguyễn Quốc K.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Trịnh Thị L yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Hồng N. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu L1, cháu N đang sống ổn định cùng chị L; Chị L có công việc, thu nhập ổn định có đủ điều kiện nuôi cháu L1, cháu N. Đồng thời cháu L1, cháu N có nguyện vọng được sống cùng chị L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị L, tiếp tục giao cháu

Nguyễn Thị L1, sinh ngày 02/10/2010 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/4/2013 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị L phải chịu án phí sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị L đối với anh Nguyễn Quốc K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày 02/10/2010 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/4/2013 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Trịnh Thị L đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010539 ngày 15/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Chi cục THADS huyện Đông Hải;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã An Phúc;
- Lưu: HS; VT-TA.

Phan Thị Mỹ Ghét